

Biểu 3

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG
KHU VỰC NÔNG THÔN
Tháng 8 năm 2023

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 8 NĂM 2023 SO VỚI				Bình quân 8 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 8 năm 2022	Tháng 12 năm 2022	Tháng 7 năm 2023	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	111,47	102,66	102,16	100,89	102,76
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	115,97	102,30	102,10	100,92	103,71
1 - Lương thực	119,96	107,61	106,24	103,31	104,36
2 - Thực phẩm	114,11	100,91	101,18	100,61	103,13
3 - Ăn uống ngoài gia đình	119,92	103,76	102,65	100,48	105,26
II. Đồ uống và thuốc lá	110,55	102,93	101,87	100,24	103,52
III. May mặc, mũ nón, giày dép	106,76	102,43	101,20	100,19	102,66
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng ^(*)	115,34	106,32	104,48	100,81	105,56
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,70	102,24	101,41	100,07	102,65
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	103,20	100,55	100,29	100,03	100,64
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,21	100,05	100,05	100,00	100,03
VII. Giao thông	111,06	99,21	104,74	103,97	94,08
VIII. Bưu chính, viễn thông	98,04	99,42	99,58	99,91	99,61
IX. Giáo dục	108,36	103,65	95,73	100,50	107,37
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	107,32	103,46	94,40	100,22	108,00
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	102,75	101,64	101,16	100,09	102,65
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	113,03	106,61	105,64	100,22	104,21

(*) Xem ghi chú Biểu 1.